TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ Đ** **TỈNH Q**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2024/HSST
Ngày 25/4/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Đ, TỈNH Q

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông ***Phan Tuấn Anh***.
Các hội thẩm nhân dân:
1, Ông ***Trần Hữu Trung***
2, Ông ***Trần Văn Nam***
- Thư ký phiên tòa*:* Bà ***Trần Thị Mai Hương*** - Thư ký, Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Q.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đ, tỉnh Q tham gia phiên tòa: *Ông* ***Tống Duy Vương*** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Q, mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 34/2024/HSST ngày 03 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2024/QĐXXST - HS ngày 11 tháng 4 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **LÊ THỊ M** (không có tên gọi khác); Sinh ngày 03 tháng 3 năm 1985, tại huyện T, tỉnh H; Nơi thường trú: khu H, phường T, thị xã K, tỉnh H; Chỗ ở hiện nay: khu 17, phường Bình Hàn, thành phố H, tỉnh H; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: không biết chữ; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông: Lê Văn T (đã chết); con bà Đoàn Thị N (đã chết); Không có chồng; Có 03 con: con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2024; Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 22/01/2022, bị Công an huyện G, tỉnh B xử phạt hành chính bằng hình thức Cảnh cáo về hành vi "Bán dâm".

Bị cáo bị bắt, giữ trong trường hợp khẩn cấp ngày 30/12/2023, bị tạm giữ đến ngày 06/01/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn "*Cấm đi khỏi nơi cư trú*", hiện tại ngoại noi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **PHAM MINH T** (không có tên gọi khác); Sinh ngày 05 tháng 9 năm 1987, tại thị xã Đ, tỉnh Q; Nơi thường trú: tổ 16, khu G, phường K, thị xã Đ, tỉnh Q; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 09/12; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông: Phạm Văn L (đã chết); con bà PH Thị T, sinh năm 1964; Có vợ là Đỗ Thị Y, sinh năm 1995; Có 03 con, con lớn sinh năm 2013 và con nhỏ sinh năm 2019;

Tiền án: Ngày 17/9/2019, bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh H xử phạt 04 năm 06

tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Ngày 19/01/2023 chấp hành xong hình phạt tù.

Tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 27/8/2010, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q khởi tố về tội "Cố ý gây thương tích". Ngày 30/8/2012, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Q đình chỉ điều tra vụ án đối với bị cáo (lý do: Người bị hại rút yêu cầu khởi tố).

Bị cáo bị bắt, giữ trong trường hợp khẩn cấp ngày 29/12/2023, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q. Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **ĐẶNG XUÂN H** (không có tên gọi khác); Sinh ngày 08 tháng 9 năm 1991, tại thị xã Đ, tỉnh Q; Nơi thường trú: thôn T, xã B, thị xã Đ, tỉnh Q; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông: Đặng Văn M (đã chết); con bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1957; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 04/8/2009, bị Tòa án nhân dân, huyện Đ (nay là thị xã Đ, tỉnh Q xử phạt 24 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 46 tháng về tội "Cướp tài sản". Ngày 04/8/2013 chấp hành xong Bản án.

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 29/12/2023, hiện tạm giam tại Trại tam giam Công an tỉnh Q. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đặng Xuân H, Phạm Minh T và Lê Thị M có mối quan hệ bạn xã hội, đồng thời giữa T và M đều là những người bán ma túy. Nên khoảng 10 giờ 00 phút ngày 28/12/2023, T sử dụng điện thoại di động gọi cho M hỏi và thỏa thuận mua 3.000.000đ (ba triệu đồng) ma túy, loại Methamphetamine, mục đích một phần để sử dụng cho bản thân, một phần bán kiếm lời thì M đồng ý. Sau đó, T sử dụng tài khoản Ngân hàng thương mại cổ phần Đ chuyển khoản 3.000.000đ (ba triệu đồng) đến tài khoản Ngân hàng thương mại cổ phần V mang tên Lê Thị M. Sau khi nhận được tiền, M và T thống nhất địa điểm giao dịch mua bán ma túy là cổng làng V, xã T, huyện K, tỉnh H. Do đó, khoảng 11 giờ 00 phút cùng ngày, M đi đến địa điểm như đã hẹn rồi để 01 (một) túi nilon bên trong có 20 (hai mươi) túi nilon chứa ma túy, loại Methamphetamine ở một hốc cây của cây cột điện và đứng chờ. Một lúc sau, T đi đến gặp M, tại đây M chỉ vị trí để túi nilon chứa ma túy cho T rồi đi về, còn T đến lấy ma túy rồi mang về nhà cất giấu.

Đến khoảng 16 giờ 15 phút ngày 29/12/2023, Đặng Xuân H gọi điện thoại di động cho T hỏi mua 1.000.000đ (một triệu đồng) ma túy Methamphetamine, thì T đồng ý. Rồi cả hai thống nhất đia điểm mua bán ma túy là đoạn đường đất gần nhà T thuộc khu Gia Mô, phường K, thị xã Đ, tỉnh Q. Sau đó, T lấy 05 (năm) túi nilon ma túy Methamphetamine mua ngày 28/12/2023 dồn thành 02 (hai) túi nilon và gói vào một gói giấy đến vị trí hẹn chờ H. Khi H đến, H đưa cho T 1.000.000đ (một triệu đồng), đồng thời T đưa cho H 01 (một) gói giấy bên trong có 02 (hai) túi nilon ma túy. H nhận, rồi cầm trên

tay trái và đi bộ tìm nơi sử dụng ma túy. Khi H đến khu vực K, phường K, thị xã Đ thì bị Công an phát hiện bắt quả tang, thu giữ trên tay trái 02 (hai) túi nilon, bên trong đều chứa chất tinh thể màu trắng (ký hiệu M1,M2). Ngoài ra thu giữ của H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, gắn sim số 0384.158.818.

Căn cứ kết quả điều tra, cùng ngày 29/12/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã bắt, giữ và khám xét khẩn cấp nơi ở của Phạm Minh T. Quá trình khám xét đã thu giữ tại nhà T, cụ thể: tại ngách sau nhà vệ sinh một túi nilon kích thước (12x8,5)cm bên trong có 08 (tám) túi nilon kích thước (1,5x2)cm, 05 (năm) túi nilon kích thước (2z2)cm và 02 (hai) túi nilon kích thước (2x2,5)cm, trong các túi đều chứa chất tinh thể màu trắng (ký hiệu từ M1 đến M15). Ngoài ra còn thu giữ 01 (một) vỏ chai nhựa, 01 (một) nắp chai, 01 (một) ông thủy tinh, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 gắn sim số 0862.949.117, 01 (một) điện thoại Oppo A16 gắn 02 (hai) sim, sim 1 số 0395.260.857, sim 2 số 0398.644.723 và 1.000.000đ (một triệu đồng). Đến ngày 30/12/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra bắt, giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Lê Thị M. Thu giữ trên tay trái của M 01 (một) hộp màu đen bên trong có 01 (một) túi nilon kích thước (4x6)cm chứa chất tinh thể màu trắng (ký hiệu M16).

Tại bản Kết luận giám định số: 19/KL-KTHS ngày 03/01/2024 và Kết luận giám định số 26/KL-KTHS ngày 05/01/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Q, kết luận:

- Mẫu vật ký hiệu M1, M2 thu giữ của Đặng Xuân H gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có tổng khối lượng là: 0,434 gam (không phẩy bốn ba bốn gam).

- Mẫu vật ký hiệu từ M1 đến M15 thu giữ của Phạm Minh T gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có tổng khối lượng là: 1,176 gam (một phẩy một bảy sáu gam).

- Mẫu vật ký hiệu M16 thu giữ của Lê Thị M gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có tổng khối lượng là: 1,984 gam (một phẩy chín tám bốn gam).

(*Methamphetamine là chất ma túy thuộc danh mục II, STT: 247 Nghị định 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định danh mục các chất ma túy và tiền chất*).

Quá trình điều tra các bị cáo Lê Thị M, Đặng Xuân H và Phạm Minh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Về nguồn gốc ma túy M bán cho T ngày 28/12/2023 cũng như ma túy thu giữ trên tay M ngày 30/12/2023, M khai: khoảng 07 giờ 00 phút ngày 28/12/2023, M đi sang khu vực xã An Đồng, huyện A, thành phố H gặp và mua của một người đàn ông (không rõ lai lịch, địa chỉ) 5,500.000đ (năm triệu lăm trăm nghìn đồng) ma túy loại Methamphetamine, mục đích lấy một phần sử dụng, còn lại để bán kiếm lời. Sau khi mua được ma túy, M mang về chia thành nhiều túi nilon nhỏ để bán khi có người hỏi mua. Đến khoảng 11 giờ 00 phút ngày 28/12/2023, M đã bán cho Phạm Minh T 3.000.000đ (ba triệu đồng). Số ma túy còn lại chưa kịp bán thì bị Công an thị xã Đ bắt, thu giữ.

Tại Bản cáo trạng số: 38/CT-VKSĐT, ngày 31 tháng 3 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đ, tỉnh Q truy tố các bị cáo Lê Thị M và Phạm Minh T về tội: "*Mua bán trái phép chất ma túy*" theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự, bị cáo Đặng Xuân H về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đ tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm luận tội như cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lê Thị M và Phạm Minh T phạm tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*", bị cáo Đặng Xuân H phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".

- Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s, n khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Lê Thị M từ 04 (bốn) năm đến 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ đi những ngày tạm giữ từ 30/12/2023 đến ngày 06/01/2024.

- Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Phạm Minh T từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ 29/12/2023.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đặng Xuân H từ 18 (mười tám) tháng đến 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29/12/2023.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- 01 (một) phong bì niêm phong chứa mẫu vật hoàn lại sau giám định số: 19/KL-KTHS ngày 03/01/2024 và 01 (một) phong bì niêm phong chứa mẫu vật hoàn lại sau giám định số 26/KL-KTHS ngày 05/01/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Q là chất Nhà nước cấm lưu hành, nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, gắn sim số 0384.158.818 thu giữ của Đặng Xuân H sử dụng vào việc phạm tội nên đề nghị tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A16, gắn 02 (hai) sim, sim 1 số 0395.260.857, sim 2 số 0398.644.723 thu giữ của Phạm Minh T, sử dụng vào việc phạm tội nên đề nghị tịch thu sung Ngân sách Nhà nước; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, gắn sim số 0862.949.117 thu của Phạm Minh T, không liên quan đến việc phạm tội nên đề nghị trả lại cho bị cáo Phạm Minh T.

- 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy thu giữ của Phạm Minh T và 01 (một) hộp giấy màu đen thu giữ của Lê Thị M sử dụng vào việc phạm tội nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

- Số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) thu giữ của bị cáo Phạm Minh T là tiền do phạm tội mà có nên đề nghị tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng) là tiền bị cáo T mua ma túy của bị cáo M. Do đó, đề nghị truy thu đối với bị cáo M sung ngân sách Nhà nước.

Về hình phạt bổ sung: xét các bị cáo đều nghề nghiệp và thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phần tranh luận, các bị cáo Lê Thị M, Phạm Minh T và Đặng Xuâ H đều không tranh luận gì với nội dung bản luận tội và thừa nhận việc truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, không bị oan sai. Các bị cáo đều xin được hưởng mức án thấp nhất để

sớm được trở về với gia đình và xã hội.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến Kiểm sát viên, các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Lời khai của các bị cáo Lê Thị M, Phạm Minh T và Đặng Xuân H tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ, Kết luận giám định số: 19/KL-KTHS ngày 03/01/2024 và Kết luận giám định số 26/KL-KTHS ngày 05/01/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Q, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên toà. Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: khoảng 11 giờ 00 phút ngày 28/12/2023, tại thôn V, xã T, huyện K, tỉnh H, Lê Thị M đã có hành vi bán trái phép 1,610 gam ma túy, loại Methamphetamine với giá 3.000.000đ (ba triệu đồng) cho Phạm Minh T. Sau đó, T mang số ma túy này về nhà cất giấu nhằm mục đích bán.

Đến khoảng 16 giờ 00 phút ngày 29/12/2023, T có hành vi bán trái phép 02 (hai) túi nilon ma túy, loại Methamphetamine có khối lượng 0,434 gam (không phẩy bốn ba bốn gam) với giá 1.000.000đ (một triệu đồng) cho Đặng Xuân H. Đến 16 giờ 45 phút cùng ngày, khi H đang cầm 02 (hai) túi nilon ma túy vừa mua được trên tay đi tìm nơi sử dụng thì bị Công an phát hiện, bắt quả tang, thu giữ vật chứng.

Ngoài ra: T còn có hành vi tàng trữ 1,176 gam (một phẩy một bảy sáu gam) ma túy, loại Methamphetamine và M có hành vi tàng trữ 1,984 gam (một phẩy chín tám bốn gam) ma túy loại Methamphetamine, đều nhằm mục đích để bán, nhưng chưa kịp bán thì bị Công an thu giữ.

Vậy, tổng khối lượng ma túy, loại Methamphetamine của Phạm Minh T đã bán và tàng trữ nhằm mục đích bán, bị thu giữ là 1,610 gam (một phẩy sáu một không gam); Tổng khối lượng ma túy, loại Methamphetamine của Lê Thị M đã bán cho T và tàng trữ nhằm mục đích để bán, bị thu giữ là 3,594 gam (ba phẩy năm chín bốn gam).

[3] Từ những chứng cứ nêu trên có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Lê Thị M và Phạm Minh T đã phạm vào tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; Bị cáo Đặng Xuân H đã phạm vào tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự,

như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đ, tỉnh Q đã quy kết đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Các bị cáo Lê Thị M, Phạm Minh T và Đặng Xuân H đều là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc tàng trữ, mua bán ma túy là trái pháp luật. Nhưng người vì lợi nhuận, người vì thỏa mãn cơn nghiện của bản thân nên các bị cáo đã bất chấp pháp luật. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, hành vi của bị cáo cũng là nguồn gốc phát sinh các tệ nạn xã hội, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, tiếp tay cho các đối tượng mua bán trái phép chất ma túy và là nguyên nhân gia tăng các loại tội phạm khác.

Xét về vai trò và tính chất mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo: Các bị cáo phạm tội độc lập không đồng phạm với nhau. Bị cáo Lê Thị M có nhân thân xấu, lượng ma túy tàng trữ đã bán và để bán là rất lớn. Bị cáo Phạm Minh T đã có một tiền án và nhân thân xấu, lượng ma túy bị cáo T tàng trữ để bán và đã bán cũng tương đối lớn. Bị cáo Đặng Xuân H cũng là người có nhân thân xấu, từng bị xử phạt về tội "*Cướp tài sản*". Các bị cáo không lấy đó làm bài học để trở thành công dân có ích cho xã hội mà lại tiếp tục phạm tội. Do đó, Bị cáo Lê Thị M tàng trữ đã bán và để bán là rất lớn, tuy khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự không định lượng ma túy nhưng lượng ma túy mà bị cáo đã tàng trữ để bán gần bằng lượng ma túy quy định tại khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự, nên cần thiết xử phạt bị cáo với mức án cao nhất, sau đó là đến bị cáo Phạm Minh T và cuối cùng là bị cáo Phạm Xuân H. Tuy nhiên, cũng cần phải xem xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử và tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, cần thiết cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

+ Đối với bị cáo Lê Thị M phạm tội trong trường hợp "*Người phạm tội là phụ nữ có thai*" nên cần áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

+ Đối với bị cáo Phạm Minh T: Bị cáo T có ông ngoại tên PH Văn Thanh là người có công với cách mạng và được Nhà nước tặng thưởng nhiều Huân, Huy chương kháng chiến, Kỷ niệm chương chiến sỹ cách mạng bị địch bắt tù, đầy. Do đó, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Lê Thị M và Đặng Xuân H không có tình tiết tăng nặng. Riêng đối với bị cáo Phạm Minh T phạm tội trong trường hợp tái phạm nên cần áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T.

[5] Về hình phạt bổ sung: xét các bị cáo đều nghề nghiệp và thu nhập không ổn định, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về vật chứng:

- 01 (một) phong bì niêm phong chứa mẫu vật hoàn lại sau giám định số: 19/KL-KTHS ngày 03/01/2024 và 01 (một) phong bì niêm phong chứa mẫu vật hoàn lại sau giám định số 26/KL-KTHS ngày 05/01/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Q là chất Nhà nước cấm lưu hành, nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, gắn sim số 0384.158.818 thu giữ của Đặng Xuân H, sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, gắn sim số 0862.949.117, thu giữ của Phạm Minh T, không sử dụng vào việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A16, gắn 02 (hai) sim, sim 1 số 0395.260.857, sim 2 số 0398.644.723 thu giữ của Phạm Minh T, sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy thu giữ của Phạm Minh T và 01 (một) hộp giấy màu đen thu giữ của Lê Thị M, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) thu giữ của bị cáo Phạm Minh T là số tiền do phạm tội mà có nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng) là tiền bị cáo Lê Thị M bán ma túy cho bị cáo Phạm Minh T. Do dó, cần truy thu đối với bị cáo M, sung ngân sách Nhà nước.

[7] Liên quan trong vụ án có người đàn ông bán ma túy cho Lê Thị M, quá trình điều tra không xác định được lai lịch địa chỉ nên không có căn cứ xử lý. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập.

[8] Về án phí: Buộc các bị cáo Lê Thị M, Phạm Minh T và Đặng Xuân H phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

- Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s, n khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thị M 48 (bốn mươi tám) tháng tù về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ bắt đi thi hành án, được trừ đi những ngày tạm giữ từ ngày 30/12/2023 đến ngày 06/01/2024. Tiếp tục áp dụng biện pháp "*Cấm đi khỏi nơi cư trú*" đối với bị cáo M.

- Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Minh T 42 (bốn mươi hai) tháng tù về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/12/2023.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đặng Xuân H 18 (mười tám) tháng tù về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/12/2023.

2. Về vật chứng: Căn cứ điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì niêm phong chứa mẫu vật hoàn lại sau giám định số: 19/KL-KTHS ngày 03/01/2024 và 01 (một) phong bì niêm phong chứa mẫu vật hoàn lại sau giám định số 26/KL-KTHS ngày 05/01/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Q; 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy thu giữ của Phạm Minh T và 01 (một) hộp giấy màu đen thu giữ của Lê Thị M.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, gắn sim số 0384.158.818 thu giữ của Đặng Xuân H và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A16, gắn 02 (hai) sim, sim 1 số 0395.260.857, sim 2 số 0398.644.723, thu giữ của Phạm Minh T.

- Trả lại cho bị cáo Phạm Minh T 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, gắn sim số 0862.949.117.

(Tình trạng các vật chứng trên thể hiện trong Biên bản giao nhận vật chứng số 69, ngày 02/4/2024 giữa Công an thị xã Đ, tỉnh Q và Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đ, tỉnh Q).

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) thu của bị cáo Phạm Minh T.

(Tình trạng vật chứng được thể hiện trong biên bản giao nhận tài sản số: 07/2024/BBBG-KBNNDT ngày 26/3/2024 giữa Công an thị xã Đ, tỉnh Q và Kho bạc Nhà nước Đ, tỉnh Q).

- Truy thu đối với bị cáo Lê Thị M số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

3. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Lê Thị M, Phạm Minh T và Đặng Xuân H mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai có mặt các bị cáo tại phiên tòa. Báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Q;
- Sở Tư pháp tỉnh Q;
- Trại tạm giam CA tỉnh Q;
- VKSND thị xã Đ;
- Cơ quan THAHS CA thị xã Đ;
- Cơ quan CSĐT CA thị xã Đ;
- Chi cục THADS thị xã Đ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS TX Đ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Tuấn Anh

- Luru.